TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS- PT
Ngày: 22-3-2019
"V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh
Bà Phạm Thị Hương Giang

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Minh Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về "T*ranh chấp về thừa kế tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/TCDS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Cụ Ngô Thị L, sinh năm: 1937; địa chỉ: Số 14, đường L, tổ 8, khu 1, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1962; địa chỉ: Khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2018). Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn 11, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nho K, sinh năm 1954; địa chỉ: Văn phòng luật sư Tr, số 506 đường H, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 04/9/2018). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 14, đường L, tổ 8, khu 1, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ng.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2018, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 25/6/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn cũng như lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Cụ Nguyễn Thanh B và cụ Ngô Thị L là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1959. Quá trình chung sống vợ chồng cụ B – L không có con chung; năm 1966, vợ chồng cụ B - Lcó làm thủ tục và nhận bà Nguyễn Thị Lâm (sinh năm 1963) làm con nuôi; năm 1970, vợ chồng cụ B – L nhận bà Nguyễn Thị Ng làm con nuôi. Tuy nhiên đến nay cụ L không có giấy tờ chứng minh việc nhận bà Ng làm con nuôi mà chỉ căn cứ vào việc nhập khẩu cho bà Ng vào khẩu gia đình cụ từ năm 1995 với quan hệ là con gái. Bố mẹ cụ B mất năm 1966.

Năm 1979, cụ Nguyễn Thanh B và cụ Ngô Thị L xin Lâm trường H 01 thửa đất có diện tích 891,8m2 tại thôn 11, xã (trước là thôn 6) theo quyết định điều chỉnh số 6406 ngày 22/12/2017 của UBND thành phố M. Năm 1986, vợ chồng cụ B – L xây dựng nhà cấp 4 trên thửa đất và cùng bà L1sinh sống. Đến năm 1992, bà Ng mới về ở với vợ chồng cụ B – L tại thửa đất nêu trên và năm 1995 bà Ng mới chuyển khẩu vào gia đình. Khi bà Ng đến ở cùng vợ chồng cụ B – L thì trên thửa đất đã có nhà cửa, cây cối trồng xung quanh nhà. Năm 1995, bà L1về M sinh sống và năm 1996 có đón vợ chồng cụ B – L về M ở cùng. Vợ chồng cụ B – L có cho bà Ng ở tại thửa đất trên để quản lý, trông nhà cho hai cụ; hiện bà Nguyễn Thị Ng đang quản lý, sử dụng thửa đất trên từ năm 1995 đến nay.

Năm 2010, cụ B chết không để lại di chúc. Cụ L khẳng định thửa đất có diện tích 891,8m2 tại thôn 11, xã H (trước là thôn 6) theo quyết định điều chỉnh số 6406 ngày 22/12/2017 của UBND thành phố M (kết quả đo đạc, thẩm định ngày 23/8/2018 diện tích là 862,7m2) và các tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng cụ B – L chưa chia di sản thừa kế. Quá trình bà Ng ở có xây dựng thêm hệ thống tường bao quanh diện tích thửa đất và 01 nhà vệ sinh.

Nay cụ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Bố mẹ cụ B mất vào những năm 1966. Theo quy định của pháp luật, bà Ng là người được hưởng 1/3 di sản thừa kế của cụ B trong tổng số 1/2 tài sản chung của vợ chồng cụ B - L. Tuy nhiên, tính đến công lao bà Ng trông coi, chăm sóc, tu bổ 1 phần vào thửa đất nên cụ đồng ý cho bà Ng hưởng 1/3 diện tích cả thửa đất và các tài sản trên đất (thuộc di sản thừa kế) theo kết quả đo đạc ngày 23/8/2018 là 862,7m2 đất tại thôn 11, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cùng tài sản trên đất, bà Ng xây dựng thêm là hệ thống tường bao quanh diện tích thửa đất và 01 nhà vệ sinh.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Ng có lời khai, quan điểm như sau: Bà được vợ chồng cụ B – L nhận làm con nuôi từ năm 1970. Năm 1992, bà chuyển khẩu từ T về nhập khẩu với vợ chồng cụ B – L và sinh sống tại thôn 11(trước là thôn 6), xã H, thành phố M từ đó đến nay.

- Về nguồn gốc thửa đất cụ L yêu cầu phân chia di sản thừa kế: Bà Ng thừa nhận thửa đất có diện tích 891,8m2 theo quyết định điều chỉnh số 6406 của UBND thành phố Mống Cái ngày 22/12/2017 là của vợ chồng cụ B – L xin Lâm trường H từ năm 1979. Do đó, đây là tài sản chung của vợ chồng cụ B và cụ Lý.

- Về yêu cầu khởi kiện của cụ L, bà Ng trình bày: Vợ chồng cụ B - Lcó 02 thửa đất gồm: 01 thửa đất có diện tích 90m2 (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 880 QSDĐ do UBND thị xã Mống Cái cấp ngày 26/4/2009) và 01 thửa đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên đất đã có nhà cấp 4 (chính là thửa đất hiện cụ L đang yêu cầu phân chia di sản thừa kế). Giữa bà và vợ chồng cụ B – L đã có thỏa thuận mua bán toàn bộ cả 02 thửa đất nêu trên từ năm 1992 với giá 38 triệu và 06 chỉ vàng, nhưng đến năm 2009 vợ chồng cụ B - Lmới viết "Giấy giao quyền sở hữu nhà đất" cho bà. Đến nay bà đã được UBND thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 90m2 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 300168, số vào sổ CH 00020 do UBND thành phố M cấp ngày 13/4/2010). Đối với thửa đất có nhà cấp 4 do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vẫn chưa làm thủ tục sang tên cho bà.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Nho K có quan điểm: Căn cứ vào "Giấy giao quyền sở hữu nhà đất" viết năm 2009 có chữ ký của vợ chồng cụ B – L (bản gốc); căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB300168 do UBND thành phố M cấp ngày 13/4/2010 mang tên bà Nguyễn Thị Ng nên khẳng định thửa đất được điều chỉnh theo quyết định số 6406 ngày 22/12/2017 của UBND thành phố Móng Cái và các tài sản trên đất là của bà Nguyễn Thị Ng đã mua của vợ chồng cụ B – L từ năm 1992, do đó thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Ng. Diện tích thửa đất và các tài sản trên không còn là di sản thừa kế của vợ chồng cụ B – L nên ông Kkhông đồng ý chia theo quan điểm của cụ Lý.

Tại biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 08/11/2018 ông K xác định giá trị tài sản tu sửa, tôn tạo gồm: Tường bao, tôn tạo nền đất, đào giếng, nhà vệ sinh với tổng số tiền là 200.000.000đ. Cũng tại biên bản làm việc ngày 08/11/2018 về kết luận định giá ngày 06/11/2018, ông K sẽ có ý kiến bằng văn bản sau.

Tại đơn yêu cầu ngày 10/11/2018, ông K đề nghị đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái tham gia tố tụng vì ông cho rằng quyết định số 6406/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyệt.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 có lời khai, quan điểm như sau: Bà thống nhất hàng thừa kế và di sản thừa kế như bà M trình bày. Năm 2010, cụ B chết không để lại di chúc, bố mẹ cụ B chết từ những năm 1966. Nay cụ L đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế đối với thửa đất nêu trên và có tính đến công sức đóng góp của bà Ng, đồng ý cho bà Ng hưởng 1/3 diện tích thửa đất và tài sản trên đất trong tổng số diện tích đất theo kết quả đo đạc thẩm định ngày 23/8/2018 là 862,7m2 đất tại thôn 11, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, hoàn toàn nhất trí. Quá trình bà Ng ở có xây dựng hệ thống

tường bao quanh diện tích thửa đất và 01 nhà vệ sinh. Đối với phần di sản được hưởng bà L1 nhường lại cho cụ L toàn quyền quyết định đối với phần di sản của bà.

Tòa án đã tiến hành thẩm định, định giá đối với toàn bộ thửa đất cùng tài sản gắn liền trên đất vào ngày 23/8/2018 và kết luận định giá ngày 06/11/2018 để bắn tọa độ, vẽ sơ đồ các công trình trên đất, xác định như sau:

- Về diện tích đất: Theo quyết định điều chỉnh số 6406 ngày 22/12/2017 của UBND thành phố Móng Cái thì thửa đất trên có diện tích 891,8m2. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành đo, bắn tọa độ toàn bộ thửa đất thì một phần diện tích đất giáp đất nhà ông Thổ bị hụt, phần diện tích đất này giữa các hộ dân đã xây tường bao nên diện tích thực tế còn lại của thửa đất là 862,7m2. Cụ L, bà Ng, bà L1 hoàn toàn nhất trí với diện tích đất thực tế này.

- Về giá đất ở đối với thửa đất trên là 180.000đ/m2; giá đất trồng cây lâu năm: 52.500đ/m2.

- Về giá trị tài sản công trình xây dựng trên đất gồm có: 01 nhà chính cấp 4 xây từ năm 1986 có giá trị sau khấu hao: 53.077.312đ; nhà bếp xây từ năm 1986 nên đã hết khấu hao; nhà vệ sinh xây năm 2014 trị giá (nguyên giá): 5.706.000đ; giếng nước đào 6m trị giá (nguyên giá): 16.420.752đ; thổ công trị giá 500.000đ; hệ thống tường bao xây gạch chỉ d110 trị giá: 30.748.029đ.

Tổng giá trị nhà, đất và công trình xây dựng, vật kiến trúc trị giá: 191.269.450đ (*Một trăm chín mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi đồng*).

Ngoài ra trên đất còn 1 số cây trồng các đương sự không thống nhất được về giá và đều có quan điểm đề nghị Tòa án định giá. Tại buổi kiểm đếm, xác định quy cách, giá trị cây trồng ngày 04/10/2018 (có bảng kê kèm theo) xác định toàn bộ cây trồng trên đất có trị giá là 12.380.000đ (*Mười hai triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*). Các đương sự nhất trí với kết quả định giá, xác định giá trị cây theo biên bản định giá ngày 04/10/2018.

Tại phiên tòa, các đương sự nhất trí với các công trình, vật kiến trúc trên đất cũng như giá mà Hội đồng định giá đã xác định lại ngày 06/11/2018.

Với những nội dung trên, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, xử:

- Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 85; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Điều 468; Các Điều 609, 611, 612, 613, 620; Khoản 1 Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điểm a khoản 1 Điều 651; Điều 653; Điều 688 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26; điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1.Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của cụ Ngô Thị L về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

- Xác định thửa đất cần phân chia theo yêu cầu của nguyên đơn thể hiện tại Quyết định số 6406 ngày 22/12/2017 của Uỷ ban nhân dân thành phố M có diện tích thực tế là 862,7m2 được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21-22 -1 (*tọa độ các đỉnh, độ dài các cạnh như sơ đồ hiện trạng đo đạc ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M kèm theo*).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Ng được quyền sở hữu, sử dụng phần đất và tài sản trên đất có diện tích 291,7m2, trong đó có 100m2 đất ở và 191,7m2 đất vườn. Đất được giới hạn bởi các điểm: 6'-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-16'-6' (*tọa độ các đỉnh, độ dài các cạnh như sơ đồ hiện trạng đo đạc ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái kèm theo*). Trên đất có 01 giếng nước đào, số cây trồng và phần tường bao nằm trên diện tích đất được chia.

- Giao cho cụ Ngô Thị L được quyền sở hữu, sử dụng phần đất và tài sản trên đất có diện tích 571m2, trong đó có 210m2 đất ở và 361m2 đất vườn. Đất được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-5'-6-6'-16'-17-18-19-20-21-22-1(*tọa độ các đỉnh, độ dài các cạnh như sơ đồ hiện trạng đo đạc ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M kèm theo*). Trên đất có 01 nhà chính, 01 nhà bếp đã hết khấu hao, 01 thổ công, 01 nhà vệ sinh, số cây trồng và phần tường bao nằm trên phần diện tích đất được chia.

- Cụ Ngô Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền chênh lệch tài sản là 45.497.200đ *(bốn mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm đồng*).

Cụ Ngô Thị L và bà Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận phần diện tích đất được chia.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án mà cụ Lchậm trả cho bà Ng đối với số tiền nêu trên khi đến hạn thì cụ Lphải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. ***Về án phí:***

- Buộc cụ Ngô Thị L phải chịu tiền án phí tương ứng với phần tài sản bà được nhận là: 6.826.753đ (*sáu triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.671.000đ cụ L đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mống Cái theo biên lai thu tiền số 0001309 ngày 17/7/2018. Cụ L còn phải chịu số tiền án phí là 5.155.753đ (*năm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm lăm mươi ba đồng*).

- Buộc bà Nguyễn Thị Ng phải chịu tiền án phí tương ứng với phần tài sản bà được nhận là 3.355.717đ (*ba triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm mười*

bảy đồng) và số tiền án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 7.903.590đ (*bảy triệu chín trăm linh ba nghìn năm trăm chín mươi đồng)*. Tổng số tiền án phí bà Ng phải chịu là: 11.259.307đ (*mười một triệu hai trăm năm nươi chín nghìn ba trăm linh bảy đồng*).

Án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2018, bà Nguyễn Thị Ng kháng cáo với nội dung sau: Bà không đồng ý việc cấp sơ thẩm chia thừa kế, do nhà đất này bà đã mua của cụ Nguyễn Thanh B và cụ Nguyễn Thị L.

Ngày 12/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh kháng nghị với nội dung:

- Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ thể hiện, toàn bộ tài sản chung của hai cụ gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 862,7m2 (đất ở 310m2, đất TCLN 552,7m2) cùng toàn bộ công trình nhà ở, giếng nước, nhà vệ sinh, cây cối đang do bà Ng chiếm hữu, sử dụng từ năm 1996. Bản án sơ thẩm tuyên giao cho cụ L quyền sở hữu, sử dụng 571m2 đất và tài sản trên đất, nhưng không buộc bà Ng phải chịu nghĩa vụ bàn giao toàn bộ cho cụ L là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến việc thi hành bản án khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Quá trình giải quyết, bà Ng yêu cầu được thanh toán tiền công tôn tạo đất như: Xây tường bao 85.000.000 đồng, nhà vệ sinh 20.000.000 đồng, giếng nước 15.000.000 đồng, đổ đất 80.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tổng số 50.515.035 đồng; số không chấp nhận 158.071.809 đồng. Lẽ ra, bà Ng không phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Nhưng Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Ng phải chịu án phí tương ứng với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, là vi phạm điểm a, Khoản 7, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của UBTVQH.

- Về áp dụng pháp luật: Bản án xác định đây thuộc vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản", nhưng khi xác định án phí cho đương sự, bản án lại áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 (quy định về nghĩa vụ chịu án phí đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất là không phù hợp. Lẽ ra, cấp sơ thẩm phải áp dụng điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 để quyết định án phí. Ngoài ra, bản án tuyên buộc đương sự chịu nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án nhưng không áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 là thiếu sót.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: quá trình giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự: quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, thẩm quyền giải quyết đơn khởi kiện và việc tiến hành các thủ tục tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố M đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh trong thời hạn luật định, kháng cáo và kháng nghị hợp lệ, nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo và kháng nghị:

- Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng không đồng ý việc cấp sơ thẩm chia thừa kế, do nhà đất bà đã mua của cụ Nguyễn Thanh B và cụ Nguyễn Thị L. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: tài liệu chuyển nhượng nhà đất do bà Ng cung cấp có trong hồ sơ thể hiện có việc chuyển nhượng nhà đất giữa vợ chồng cụ B- L năm 2009, nhưng chuyển nhượng thửa đất 90m2 (đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y643221 ngày 26/4/2004 của UBND thành phố M mang tên vợ chồng cụ B-L), thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00; còn thửa đất mà cụ L yêu cầu chia thừa kế là thửa đất số 28, tờ bản đồ số 22, thôn 11, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng phần đất chia thừa kế chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không coi là di sản để chia thừa kế, nếu có căn cứ để chia thừa kế thì pháp luật chỉ được chia ½ phần của cụ B cho những người thừa kế, còn phần của cụ L chưa chết nên không được chia.

Hội đồng xét xử thấy: quyền sử dụng đất diện tích 862,7m2 (đất ở 310m2, đất TCLN 552,7m2) cùng toàn bộ công trình nhà ở, giếng nước, nhà vệ sinh, cây cối thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 22, thôn 11, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh được UBND thành phố Mống Cái điều chỉnh theo quyết định số 6406/QĐ-UBND ngày 22/12/2017, cụ L cũng đã hoàn chỉnh thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/ NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, đủ cơ sở khẳng định quyền sử dụng đất diện tích 862,7m2 (đất ở 310m2, đất TCLN 552,7m2) cùng toàn bộ công trình nhà ở, giếng nước, nhà vệ sinh, cây cối thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ B - L. Cụ B chết không để lại di chúc, nên quyền sử dụng đất diện tích 862,7m2 (đất ở 310m2, đất TCLN 552,7m2) cùng toàn bộ công trình nhà ở, giếng nước, nhà vệ sinh, cây cối lcó ½ là di sản của cụ B. Cụ L hoặc bà Ng hoặc bà L1 là những người trong hàng thừa kế thứ nhất có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế trên theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 25/9/2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm: chị Nguyệt là người được hưởng 1/3 di sản thừa kế của cụ B trong tổng số ½ tài sản

chung của vợ chồng cụ B– Lý. Tuy nhiên tính đến công lao bà Ng trông coi, chăm sóc, tu bổ mộ phần vào thửa đất nên cụ L đồng ý cho bà Ng hưởng 1/3 diện tích đất nằm trong tổng diện tích đất đang tranh chấp. Do đó, cách chia của cấp sơ thẩm là phù hợp, cần giữ nguyên.

Ngày 12/12/2017, cụ L có đơn xin đề nghị gửi UBND thành phố M, phòng Tài nguyên Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, UBND xã Hải Đông trình bày: theo Quyết định số 2515/2000/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 02/10/2000 "V/v Quy định tạm thời hạn mức và thời hạn giao đất ở, đất nuôi trồng thủy sản, đất lâm nghiệp cho hộ gia đình và cá nhân" thì hạn mức công nhận quyền sử dụng đất của gia đình cụ là 400m2. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn và cũng không có nhu cầu sử dụng nên cụ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 28 tờ bản đồ số 22, thôn 11, xã H, thành phố M với diện tích 891,8m2, trong đó diện tích đất ở là 310m2, còn lại là đất trồng cây lâu năm. Xét thấy, việc xin giảm hạn mức đất của cụ L lẽ ra phải có văn bản thể hiện sự đồng ý của bà L1 (bà L1 nhường lại cho cụ L toàn quyết quyết định đối với phần di sản của bà), bà Ng, nhưng do cụ L đã tự nguyện cho bà Ng 1/3 diện tích đất nằm trong tổng diện tích đang tranh chấp (trong đó đất ở 100/310m^2), nhiều hơn phần di sản lẽ ra bà Ng được hưởng, nên việc này không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Ng như người đại diện theo ủy quyền của bà Ng đã trình bày. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng.

Cụ L yêu cầu chia di sản gồm đất và tài sản trên theo quy định của pháp luật cho những người thừa kế gồm cụ L, bà Ng, bà L1 (bà L1 nhường lại cho cụ L toàn quyết quyết định đối với phần di sản của bà) mà cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết, xét xử đã giải quyết đúng hàng thừa kế, công sức quản lý, tôn tạo, cũng như việc phân chia di sản. Vì vậy, cấp phúc thẩm giữ nguyên phần chia di sản của bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/TCDS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

- Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về các nội dung sau:

Thứ nhất, tuyên giao cho cụ L quyền sở hữu, sử dụng 571m2 đất và tài sản trên đất, nhưng không buộc bà Ng phải chịu nghĩa vụ bàn giao toàn bộ cho cụ L là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến việc thi hành bản án khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện di sản đang do bà Ng quản lý; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 617 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì nghĩa vụ của người quản lý di sản là phải giao di sản theo yêu cầu của người thừa kế. Cấp sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ giao tài sản là thiếu sót. Vì vậy, cần buộc bà Ng có nghĩa vụ bàn giao toàn bộ nhà, đất, tài sản trên đất cho cụ L theo phần được chia.

Thứ hai, về án phí: Quá trình giải quyết vụ án, bà Ng yêu cầu được thanh toán tiền công tôn tạo đất như: Xây tường bao 85.000.000 đồng, nhà vệ sinh 20.000.000 đồng, giếng nước 15.000.000 đồng, đổ đất 80.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tổng số 50.515.035 đồng; số không chấp nhận 158.071.809 đồng. Lẽ ra, bà Ng không phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án

chấp nhận. Nhưng Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Ng phải chịu án phí tương ứng với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, là vi phạm điểm a, khoản 7, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của UBTVQH. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải áp dụng điểm a, khoản 7, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 tuyên phần không được chấp nhận không phải chịu án phí. Ngoài ra, các đương sự đều là người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nhưng cấp sơ thẩm không hướng dẫn cho các đương sự biết để thực hiện mà vẫn thông báo nộp tạm ứng án phí và án phí là trái quy định trên, cần sửa lại cho đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, cụ L có đơn xin miễn án phí, nên miễn theo quy định của pháp luật. Đối với bà Ng, mặc dù đã có hướng dẫn của cấp phúc thẩm nhưng bà Ngkhông có nhu cầu miễn án phí nên buộc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được chia và chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về án phí.

Thứ ba, về áp dụng pháp luật: Bản án tuyên buộc đương sự chịu nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án nhưng không áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, là thiếu sót, Hội đồng xét xử thấy cần sửa lại.

[3] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà Ng không được chấp nhận nên bà Ng phải nộp án phí phúc thẩm.

Các nội dung khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, sửa bản án sơ thẩm số 12/2018/TCDS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 147 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 609, 610, điểm đ khoản 1 Điều 61, các Điều 623, 649, 650, 651, 660 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của cụ Ngô Thị L, về việc "Tranh chấp thừa kế tài

sản".

- Xác định thửa đất cần phân chia theo yêu cầu của nguyên đơn thể hiện tại Quyết định số 6406 ngày 22/12/2017 của Uỷ ban nhân dân thành phố M có diện tích thực tế là 862,7m^2 được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21-22 -1 (*tọa độ các đỉnh, độ dài các cạnh như sơ đồ hiện trạng đo đạc ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái kèm theo*).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Ng được sử dụng 291,7m^2 đất, trong đó có 100m^2 đất ở và 191,7m^2 đất vườn. Đất được giới hạn bởi các điểm: 6'-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-16'-6' (*tọa độ các đỉnh, độ dài các cạnh như sơ đồ hiện trạng đo đạc ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái kèm theo*) và được quyền sở hữu tài sản trên đất có 01 giếng nước đào, cây trồng trên phần đất và 1/3 phần tường bao nằm trên diện tích đất được chia. Trị giá 67.114.345đ *(sáu mươi bảy triệu, một trăm mười bốn nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng)*.

- Giao cho cụ Ngô Thị L được sử dụng 571m^2 đất, trong đó có 210m^2 đất ở và 361m^2 đất vườn. Đất được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-5'-6-6'-16'-17-18-19-20-21-22-1(*tọa độ các đỉnh, độ dài các cạnh như sơ đồ hiện trạng đo đạc ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M kèm theo*) và được quyền sở hữu tài sản trên đất có 01 nhà chính, 01 nhà bếp đã hết khấu hao, 01 thổ công, 01 nhà vệ sinh, số cây trồng trên đất và 2/3 phần tường bao nằm trên phần diện tích đất được chia. Trị giá 136.535.076đ *(một trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng)*.

Bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ giao cho cụ Ngô Thị L quyền sử dụng đất diện tích 571m^2 (trong đó có 210m^2 đất ở và 361m^2 đất vườn), và tài sản trên đất có 01 nhà chính, 01 nhà bếp đã hết khấu hao, 01 thổ công, 01 nhà vệ sinh, số cây trồng trên đất và 2/3 phần tường bao nằm trên phần diện tích đất cụ L được chia.

- Cụ Ngô Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền chênh lệch tài sản là 45.497.200đ *(bốn mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm đồng*).

Cụ Ngô Thị L và bà Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận phần diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả cho người được thi hành án số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật Thi hành án Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Ngô Thị L. Trả lại cụ Ngô Thị L 1.671.000 đ *(một triệu, sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001309 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mống Cái.

Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản bà được nhận là 3.355.717đ (*ba triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm mười bảy đồng)* và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*. Tổng số tiền án phí bà Ngphải chịu là: 3.655.717đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0001472 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M. Bà Ng còn phải nộp 3.355.717đ *(ba triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm mười bảy đồng)*.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND thành phố Móng Cái;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS thành phố phố Móng Cái;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Thắng